

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
To: State Securities Commission of Vietnam

Tên Công ty quản lý quỹ:
Management Fund Company name:
Tên Ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Mã chứng khoán
Securities symbol
Kỳ báo cáo
(Reporting period)
Ngày lập báo cáo
(Reporting date)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát
Vietnam Fortune Fund Management JSC
Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
QUỸ ETF VFCVN DIAMOND
VFCVN DIAMOND ETF
FUETPVND
Tuần từ 14/10/2026 đến 20/10/2026
(period: from Oct 14th 2026 to Oct 20th 2026)
21/10/2026
Wednesday, 21 October 2026

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 20/10/2026	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 13/10/2026
I	Giá trị tài sản ròng Net Assest Value		
1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
1.1	của quỹ/ per Fund	54,113,310,946	54,254,819,375
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	966,309,124	968,836,060
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	9,663.09	9,688.36
2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period		
2.1	của quỹ/ per Fund	54,710,092,007	54,113,310,946
2.2	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	976,965,928	966,309,124
2.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	9,769.65	9,663.09
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV during peridod, in Which:	596,781,061	(141,508,429)
3.1	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to the fund's investment during the period	596,781,061	(141,508,429)
3.2	Thay đổi GITSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period		
3.3	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period		
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ Change of NAV per Fund Certificate during peridod	106.56	(25.27)
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND): Highest Value (VND)	68,745,700,254	68,745,700,254
5.2	Giá trị thấp nhất (VND): Lowest Value (VND)	51,480,720,420	51,480,720,420
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng với quỹ niêm yết) Foreign investors' ownership ratio (not applicable for listed fund)		
6.1	Số lượng Chứng chỉ quỹ/ Number of fund certificates		
6.2	Tổng giá trị/ Total value of Fund Certificates		
6.3	Tỷ lệ sở hữu/ Foreign investors' ownership ratio		
II	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	9,740	9,740
2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	9,670	9,740
3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison to the last period	(70)	0
4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND): Absolute difference (VND)	-99.65	76.91
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-) - thặng dư (+)) Relative difference (discount(-)/premium(+))	-1.02%	0.80%
5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest Market Value within latest 52 weeks		
	Giá trị cao nhất (VND): Highest Value (VND)	12,280	12,280
	Giá trị thấp nhất (VND): Lowest Value (VND)	9,670	9,740

Đại diện công ty quản lý của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện công ty quản lý của Công ty Quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành
Vũ Minh Hồng
Phó Giám đốc phòng GD&DV Chứng Khoán

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát

GIÁM ĐỐC PHÁP CHẾ
Nguyễn Thị Lệ Quyên

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT CÁT, L=Quản Hai Bà Trưng, ST=Hà Nội, UID=MST010263635
Reason: I am the author of this document
Date: 2026.10.21 16:00:47+0700
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.2